

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

*Cho năm tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017*

*kèm theo*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**NĂM 2017**

---

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

Số 3 Ngõ 1295 Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (024) 3 974 5081/82

Fax: (024) 3 974 5083

*Hà Nội, tháng 03 năm 2018*



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

---

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang số</b>
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo tài chính HNĐông tin tài chính năm 2017	4 - 5
Bảng Cân đối kế toán HN tại ngày 31/12/2017	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh HN năm năm 2017	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ HN năm năm 2017	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính HN năm 2017	10 - 33

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC****1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông:**

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông (sau đây viết tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty TNHH Kỹ nghệ và Thương mại tin học Toàn cầu. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101122893 ngày 15 tháng 07 năm 2003 và thay đổi lần 13 ngày 11 tháng 09 năm 2017. Theo đó:

**Vốn Điều lệ của Công ty: 80.000.000.000 đồng**

*(Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng)*

**Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng**

**Trụ sở chính: Toà nhà Infonet, Số 33 phố Vũ Ngọc Phan, Phường Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP Hà Nội.**

*Công ty có các công ty con sau:*

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH Dịch vụ phần mềm Infonet (tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%)	Phòng 501 toà nhà Infonet số 33 Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Công ty TNHH MTV phần mềm và truyền thông (tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%) (*)	Tầng 4, số 31B/151A phố Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội
(*) Đã giải thể doanh nghiệp	

**Tên chi nhánh****Tên chi nhánh****Địa chỉ**

Chi nhánh - Công ty CP công nghệ mạng và Truyền thông

Lầu 6 Tòa nhà Phoenix, 18-20, Phước Hưng, phường 8, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

**Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty:**

- Nhận ủy thác xuất, nhập khẩu hàng hóa;
- Tư vấn, tổng thầu xây dựng; Lập tổng dự toán, quyết toán, quản lý dự án, cung cấp và lắp đặt thiết bị các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật và môi trường, thủy điện, bưu chính, viễn thông, điện lực, hạ tầng kỹ thuật đô thị, các công trình văn hóa, thể thao, tôn giáo, cảnh quan, công viên, cây xanh, đài phun nước, môi trường đô thị, công trình đường dây và trạm thông tin (Hoạt động theo chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá);
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng;
- Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho, bãi, bến đỗ;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar), siêu thị, khu trung tâm thương mại;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh, khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, khu văn phòng;
- Tư vấn đầu tư, đầu tư và xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, khu du lịch sinh thái, các công trình văn hóa, công trình thể thao, công trình thương mại (siêu thị, chợ, khu triển lãm), hạ tầng cơ sở, san lấp mặt bằng, viễn thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Cung cấp các giải pháp tin học;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành, bảo trì các thiết bị trên;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông;

- Sản xuất phần mềm tin học, đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu máy móc, thiết bị vật tư phục vụ sản xuất, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông, thiết bị văn phòng, điều hòa không khí, trang thiết bị y tế);

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo bao gồm:**

**A Hội đồng quản trị:**

- |                      |               |
|----------------------|---------------|
| 1 Ông Trần Thanh Hải | Chủ tịch HĐQT |
| 2 Ông Lê Ngọc Tú     | Ủy viên       |
| 3 Ông Phạm Duy Hùng  | Ủy viên       |
| 4 Ông Phạm Ngọc Sơn  | Ủy viên       |
| 5 Ông Lê Trọng Đại   | Ủy viên       |

**B Ban Tổng Giám đốc:**

- |                        |                   |
|------------------------|-------------------|
| 1 Ông Lê Ngọc Tú       | Tổng Giám đốc     |
| 2 Ông Nguyễn Đức Thuận | Phó Tổng Giám đốc |
| 3 Ông Phạm Ngọc Sơn    | Phó Tổng Giám đốc |

**2. Kiểm toán viên độc lập**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPAHANOI).

**3. Tại Báo cáo này Ban Tổng Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây:**

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kết toán kết thúc cùng ngày.
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ kế toán tiếp theo.

**Đại diện**

**Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông**



**Tổng Giám đốc**

**Lê Ngọc Tú**

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018



# CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 24 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi1999@gmail.com

Fax: (84) 24 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com

Số: 114 /2018/BCKT/BCTCHN-CPA HA NOI

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH 2017

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông được lập ngày 01/03/2018 từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến ngoại trừ**

Năm 2017, Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Dịch vụ phần mềm Infonet với tổng tài sản là 1.132.093.659 đồng- là công ty con của Công ty cổ phần công nghệ mạng và truyền thông chưa được thực hiện kiểm toán. Do đó chúng tôi không đưa ra ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính Hợp nhất của Công ty cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại "Cơ sở ý kiến ngoại trừ" Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Công nghệ mạng và truyền thông tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính 2017, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Báo cáo tài chính hợp nhất của đơn vị. Tổng công nợ phải thu của đơn vị là 171.491.412.829 đồng đơn vị đã thực hiện đối chiếu công nợ và có xác nhận đầy đủ của khách hàng. Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi cũng đã tiến hành làm thủ tục gửi thư xác nhận và các thủ tục thay thế bổ sung nhằm chứng minh khoản mục phải thu của đơn vị. Tuy nhiên, tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán hợp nhất chúng tôi vẫn chưa nhận được phản hồi của thư xác nhận.

Trong năm 2017, Công ty cổ phần công nghệ mạng và truyền thông có giải thể Công ty TNHH MTV Phần mềm và Truyền thông (với tỷ lệ lợi ích và biểu quyết là 100%) theo Thông báo giải số 607568/17 của Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội ngày 22/11/2017.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập thành 06 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2018

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN  
VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI  
(CPAHANOI)  
Tổng Giám đốc**



**Lê Văn Dò**

Giấy CNĐKHNKT số: 0231-2018-016-1

**Kiểm toán viên**

A blue ink signature of Lê Văn Tuấn, written in a cursive style.

**Lê Văn Tuấn**

Giấy CNĐKHNKT số: 1695-2018-016-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>228.195.033.970</b>	<b>295.423.341.832</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>38.495.182.089</b>	<b>30.865.502.084</b>
1. Tiền	111		28.495.182.089	25.865.502.084
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	5.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>171.491.412.829</b>	<b>173.629.806.976</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.02</b>	163.495.992.951	130.107.159.266
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.03</b>	6.114.815.500	18.701.004.155
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	<b>V.04</b>	-	2.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.05a</b>	2.276.017.699	23.217.056.876
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137	<b>V.06</b>	(395.413.321)	(395.413.321)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.07</b>	<b>18.153.186.044</b>	<b>88.346.876.089</b>
1. Hàng tồn kho	141		18.153.186.044	88.346.876.089
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>55.253.008</b>	<b>2.581.156.683</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	<b>V.08</b>	17.989.428	2.397.505.395
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	<b>V.16b</b>	37.263.580	183.651.288
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>39.167.347.086</b>	<b>34.781.412.635</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>57.829.529</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	<b>V.05b</b>	57.829.529	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>28.423.919.702</b>	<b>26.397.991.793</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.09</b>	2.947.169.702	671.404.991
- Nguyên giá	222		7.575.695.622	4.878.117.684
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.628.525.920)	(4.206.712.693)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>V.10</b>	25.476.750.000	25.726.586.802
- Nguyên giá	228		37.950.882.207	37.950.882.207
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(12.474.132.207)	(12.224.295.405)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.11</b>	<b>10.574.119.109</b>	<b>8.324.304.553</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10.574.119.109	8.324.304.553
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>111.478.746</b>	<b>59.116.289</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>V.12</b>	111.478.746	59.116.289
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>267.362.381.056</b>	<b>330.204.754.467</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của BCTC)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>124.353.250.611</b>	<b>193.236.441.139</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>120.508.794.212</b>	<b>182.357.818.791</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	44.300.724.571	35.576.322.015
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	20.024.504.373	57.560.105.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15a	4.211.941.631	198.413.779
4. Phải trả người lao động	314		2.533.083.212	1.988.793.587
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	-	356.601.292
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	365.322.134	311.976.155
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	43.791.750.570	81.808.731.298
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.281.467.721	4.556.875.165
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.844.456.399</b>	<b>10.878.622.348</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	-	7.758.758.505
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		3.844.456.399	3.119.863.843
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>143.009.130.445</b>	<b>136.968.313.328</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>143.009.130.445</b>	<b>136.968.313.328</b>
1. Vốn góp chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(5.233.803.523)	(5.233.803.523)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.011.828.236	27.577.384.062
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.248.499.290	1.886.203.012
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		32.982.606.442	32.738.529.777
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25.321.137.940	25.492.604.213
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.661.468.502	7.245.925.564
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>267.362.381.056</b>	<b>330.204.754.467</b>

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Minh

Nguyễn Thị Hoa

Lê Ngọc Tú

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của BCTC)



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: đồng

Số TT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
			Năm nay	Năm trước
	1	3	6	7
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	391.004.637.762	446.137.417.351
2.	Các khoản giảm trừ	VI.02	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	VI.03	391.004.637.762	446.137.417.351
4.	Giá vốn hàng bán	VI.04	356.541.311.706	405.712.828.589
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV		34.463.326.056	40.424.588.762
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.05	1.970.165.791	599.464.695
7.	Chi phí tài chính	VI.06	4.546.612.789	6.993.789.425
	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.562.429.943	5.152.955.685
8.	Chi phí bán hàng	VI.07	2.093.261.828	4.652.453.952
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.08	19.557.278.584	24.480.538.606
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.236.338.646	4.897.271.474
11.	Thu nhập khác	VI.09	46.514	5.077.722.206
12.	Chi phí khác	VI.10	314.434.615	592.418.305
13.	Lợi nhuận khác		(314.388.101)	4.485.303.901
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.921.950.545	9.382.575.375
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.11	2.260.482.043	2.136.649.811
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7.661.468.502	7.245.925.564
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.12	1.052	995
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Người lập biểu



Trần Thị Minh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa



Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc

Lê Ngọc Tú

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	5	
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	347.046.326.926	400.890.989.322
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(279.687.865.326)	(416.156.813.687)
3. Tiền trả cho người lao động	03	(8.889.496.264)	(9.797.483.219)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.919.031.235)	(5.107.970.683)
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	05	(1.541.774.651)	(5.194.139.099)
6. Tiền thu khác từ các hoạt động kinh doanh	06	41.052.580.408	86.353.319.438
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(43.868.649.823)	(87.228.396.278)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>50.192.090.035</i>	<i>(36.240.494.206)</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi do mua sắm TSCĐ, xây dựng TSCĐ và các tài sản khác	21	(342.960.485)	-
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	12.000.000.000	14.000.000.000
5. Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.294.529.651	-
7. Thu lãi tiền cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	261.760.036	426.404.863
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>3.213.329.202</i>	<i>12.426.404.863</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	123.200.641.984	258.914.233.441
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(168.976.381.216)	(233.933.000.000)
5. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(45.775.739.232)</i>	<i>24.981.233.441</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	<i>50</i>	<i>7.629.680.005</i>	<i>1.167.144.098</i>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>30.865.502.084</b>	<b>29.697.915.945</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		442.041
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>38.495.182.089</b>	<b>30.865.502.084</b>

Người lập biểu

Trần Thị Minh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông (sau đây viết tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH Kỹ nghệ và Thương mại tin học Toàn cầu. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101122893 ngày 15 tháng 07 năm 2003 và thay đổi lần 13 ngày 11 tháng 09 năm 2017. Theo đó:

**Vốn điều lệ: 80.000.000.000 VND (Tám mươi tỷ đồng)**

**Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng**

**Trụ sở chính:** Tòa nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

*Công ty có các công ty con sau:*

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH Dịch vụ phần mềm Infonet (tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%)	Phòng 501, Tòa nhà Infonet, Số 33 phố Vũ Ngọc Phan, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội
Công ty TNHH MTV phần mềm Truyền thông (tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%) (*)	Tầng 4, số 31B/151A phố Thái Hà, phường Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội

(\*) Đã giải thể doanh nghiệp

**Chi nhánh**

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông	Lầu 6 Tòa nhà Phoenix, 18-20, Phước Hưng, phường 8, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

**2. Lĩnh vực hoạt động:** Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại.

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Nhận ủy thác xuất, nhập khẩu hàng hóa;
- Tư vấn, tổng thầu xây dựng; Lập tổng dự toán, quyết toán, quản lý dự án, cung cấp và lắp đặt thiết bị các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật và môi trường, thủy điện, bưu chính, viễn thông, điện lực, hạ tầng kỹ thuật đô thị, các công trình văn hóa, thể thao, tôn giáo, cảnh quan, công viên, cây xanh, đài phun nước, môi trường đô thị, công trình đường dây và trạm thông tin (Hoạt động theo chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá);
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng;
- Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho, bãi, bến đỗ;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar), siêu thị, khu trung tâm thương mại;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh, khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, khu văn phòng;

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)*

- Tư vấn đầu tư, đầu tư và xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, khu du lịch sinh thái, các công trình văn hóa, công trình thể thao, công trình thương mại (siêu thị, chợ, khu triển lãm), hạ tầng cơ sở, san lấp mặt bằng, viễn thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
  - Cung cấp các giải pháp tin học;
  - Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành, bảo trì các thiết bị trên;
  - Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
  - Tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông;
  - Sản xuất phần mềm tin học, đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
  - Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu máy móc, thiết bị vật tư phục vụ sản xuất, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông, thiết bị văn phòng, điều hòa không khí, trang thiết bị y tế);
- 4. Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường:** chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đồng).

## III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. **Hình thức kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban lãnh đạo Công ty tuyên bố Báo cáo tài chính kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính:

### 1. Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

*Nguyên tắc xác định các khoản tiền:*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

**Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:**

**Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài dưới các hình thức:

- Đầu tư dưới hình thức góp vốn vào đơn vị khác (do bên được đầu tư huy động vốn);
- Đầu tư dưới hình thức mua lại phần vốn góp tại đơn vị khác (mua lại phần vốn của chủ sở hữu)

Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá trị hợp lý.

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết là thời điểm chính thức có quyền sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được xác định giá trị tổn thất tại thời điểm lập Báo cáo tài chính để trích lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết khi các công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:**

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào đơn vị khác được xác định theo giá gốc.

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:**

**Phải thu của khách hàng:** phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ.

**Phải thu nội bộ:** phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với đơn vị cấp dưới hoặc giữa các đơn vị cấp dưới trực thuộc.

**Phải thu khác:** phản ánh các khoản nợ phải thu ngoài phạm vi đã phản ánh ở phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu này.

Các khoản phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán.

---

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

**Lập dự phòng phải thu khó đòi :**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.

50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.

70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.

100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 03 năm trở lên.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:**

- \* Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở tỉ lệ sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

**Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:**

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền).

**Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

**6. Nguyên tắc kế toán TSCĐ và khấu hao TSCĐ:***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình:*

- Tài sản cố định ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình hoạt động tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ:*

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung kèm theo. Số năm khấu hao của các tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Máy móc thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải	07 năm
Thiết bị quản lý	05 năm
Phần mềm quản lý	03 - 07 năm

**7. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.

**8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

- Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh, bao gồm:
  - + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
  - + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
  - + Các khoản chi phí trả trước khác có phát sinh lớn mà theo xét đoán của ban lãnh đạo doanh nghiệp thì cần thiết được phân bổ cho nhiều kỳ kế toán.

**9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả...

Phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác:

Phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả, nếu:

· Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.

· Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả bán có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ được quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

##### **Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

· Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

· Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

· Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.

· Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.

· Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

---

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)



Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác:**

***Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:***

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

***Thu nhập khác:*** các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

**13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:**

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)*

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:**

*Chi phí tài chính*: Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

*Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp*: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.**

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong kỳ hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

*Cơ sở lập báo cáo tài chính*: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

*Các bên liên quan*: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Đơn vị tính: đồng</i>	
	<u>Số cuối Năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>1. Tiền</b>		
<b>Tiền mặt</b>	1.803.438.017	3.972.124.605
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	36.691.744.072	26.893.377.479
- <b>Tiền gửi VNĐ</b>	26.618.966.270	21.830.421.299
Ngân hàng TMCP Quân Đội	18.019.366.576	15.824.771.739
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN Hà Tây	50.487.413	50.265.761
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	112.758.259	514.335.758
Công ty CP Chứng khoán FPT	6.595	6.595
Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT	3.334.426	3.334.426
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	135.291.754	137.852.192
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam	8.237.088.009	5.279.856.678
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	60.633.238	18.925.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	1.067.150
- <b>Tiền gửi USD</b>	72.777.802	62.956.180
Ngân hàng TMCP Quân Đội	72.777.802	62.956.180
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	10.000.000.000	5.000.000.000
Tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng	10.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	10.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>38.495.182.089</b>	<b>30.865.502.084</b>
<b>2. Phải thu của khách hàng</b>	<b>Số cuối Năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	163.495.992.951	130.107.159.266
Công An Thành phố Hà Nội	4.255.095.382	
Công ty công nghệ thông tin điện lực Miền Bắc	6.213.114.786	44.609.420.640
Tổng công ty hạ tầng mạng	14.923.627.000	8.965.440.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	12.416.540.000	29.842.382.252
Công ty TNHH STARVIEW Việt Nam	5.230.859.126	5.230.859.126
Viện chiến lược Khoa học Công An		1.622.178.476
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		16.507.985.544
Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam		12.312.000.000
Viện nghiên cứu và Phát triển Viettel	1.999.443.767	9.112.376.104
Tổng công ty truyền thông	4.253.320.000	
Tổng cục hậu cần - kỹ thuật Bộ Công an	38.416.500.774	-
Cục công nghệ thông tin và TK Hải Quan	8.756.522.500	-
NH TMCP Công thương Việt Nam		-
Ngân hàng chính sách xã hội	17.999.199.900	
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	26.829.280.000	
Trung tâm điều độ điện Quốc gia Việt Nam	7.865.746.240	
Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy	10.251.943.720	-
Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	2.147.138.987	-
Văn phòng BCA	1.045.197.785	1.045.197.785
Các đối tượng khác	892.462.984	859.319.339

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội  
Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809cho năm tài chính  
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-		
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-		
<b>Cộng</b>	<b>163.495.992.951</b>	<b>130.107.159.266</b>		
<b>3. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>Số cuối Năm</b>	<b>Số đầu năm</b>		
CN Cty TNHH DV giao nhận hàng hoa Mặt trời toàn cầu	358.217.157	-		
Công ty CP Bền	31.508.999	31.508.999		
TELCOM NETWORKS ASIA		607.115.514		
Công ty CP Du lịch hữu hạn làng Nghi Tàm	46.212.500	46.212.500		
Netpoleon IndoChina Pte Ltd		567.500.000		
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ MW Việt		378.247.207		
Công ty TNHH Công nghệ và Thương mại Bảo Sơn	60.000.000	60.000.000		
Cty TNHH Giải pháp nền tảng thông tin và truyền thông (NT&T)	987.930.756	-		
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K		55.000.000		
Công ty TNHH MTV công nghệ và dịch vụ Phương Tây	3.122.057.460	15.010.551.660		
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ thư viện T&T	50.875.000	50.875.000		
Công ty CP Công nghệ Tinh Vân	746.248.000	-		
Công ty CP phát triển phần mềm và hỗ trợ công nghệ	90.000.000	-		
Công ty CP Tư vấn và Đào tạo Công nghệ thông tin VNE	127.380.000	-		
Công ty Cổ phần thông tin Hà Việt	142.800.000	-		
Công ty TNHH phát triển đầu tư và thương mại A.I.P	141.350.000	-		
Specialised Products	210.235.628	-		
Tadiran Telecom Business Systems Ltd	-	226.532.153		
Công ty TNHH Phân phối FPT	-	96.305.000		
Công ty Luật TNHH Minh Khuê	-	11.000.000		
Công ty TNHH Starview Việt Nam	-	399.938.000		
Các đối tượng khác	-	1.160.218.122		
<b>Cộng</b>	<b>6.114.815.500</b>	<b>18.701.004.155</b>		
<b>4. Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>Số cuối Năm</b>	<b>Số đầu năm</b>		
Công ty CP Bất động sản BIGHOMES _ BIGSHOMES	-	2.000.000.000		
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>		
<b>5. Phải thu khác</b>	<b>Số cuối Năm</b>	<b>Số đầu năm</b>		
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
a. Ngắn hạn	2.276.017.699	-	23.217.056.876	-
Tạm ứng	350.953.976	-	244.053.976	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

cho năm tài chính

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Các khoản phải thu khác	1.925.063.723	-	1.933.425.806	-
<i>Cty TNHH Công nghệ ISI</i>	1.874.166.300	-	1.874.166.300	-
<i>Thuế TNCN phải thu CBNV</i>	28.950.211	-	28.950.211	-
<i>BHXH</i>	12.427.268	-	12.928.987	-
<i>Chi cục Hải quan bưu điện Hà Nội</i>		-	7.920.455	-
<i>Công ty điện lực Đống Đa</i>		-	7.860.364	-
<i>Đối tượng khác</i>	9.519.944	-	1.599.489	-
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	-	-	21.039.577.094	-
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội</i>	-	-	20.988.497.565	-
<i>Công ty công nghệ thông tin điện lực miền bắc</i>	-	-	44.550.000	-
<i>Ký cược Ký quỹ ngắn hạn khác</i>	-	-	6.529.529	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>57.829.529</b>	-	-	-
Ký cược ký quỹ dài hạn	57.829.529	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.333.847.228</b>	-	<b>23.217.056.876</b>	-

**6. Nợ xấu trích lập dự phòng**

	Số dự phòng cuối Năm	Số trích thêm trong Năm	Số hoàn nhập trong Năm	Số dự phòng đầu năm
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(395.413.321)	-	-	(395.413.321)

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối Năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SX, KD dở dang	15.046.682.449	-	2.724.310.554	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa	3.106.503.595	-	85.622.565.535	-
<b>Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>18.153.186.044</b>	-	<b>88.346.876.089</b>	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả: không.

**8. Tài sản ngắn hạn khác**

	Số cuối Năm	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	17.989.428	2.397.505.395
Thuế GTGT được khấu trừ	17.989.428	2.397.505.395
<i>Dài hạn</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>17.989.428</b>	<b>2.397.505.395</b>

**9. Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 01>**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm quản lý</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	25.476.750.000	12.474.132.207	37.950.882.207
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	25.476.750.000	12.474.132.207	37.950.882.207
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>		12.224.295.405	12.224.295.405
Khấu hao trong Năm	-	249.836.802	249.836.802
Giảm trong Năm	-	-	-
<i>Số dư cuối Năm</i>	-	12.474.132.207	12.474.132.207
<b>Giá trị còn lại</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	25.476.750.000	249.836.802	25.726.586.802
<i>Số dư cuối Năm</i>	25.476.750.000	-	25.476.750.000

**11. Chi phí XDCB dở dang**

Văn phòng công ty tại 33 Vũ Ngọc Phan

**Cộng**

	<b>Số cuối Năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	10.574.119.109	8.324.304.553
	<b>10.574.119.109</b>	<b>8.324.304.553</b>

**12. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước dài hạn khác

**Cộng**

	<b>Số cuối Năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	111.478.746	59.116.289
	<b>111.478.746</b>	<b>59.116.289</b>

**13. Phải trả người bán**

	<b>Số cuối Năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>44.300.724.571</b>	<b>44.300.724.571</b>	<b>35.576.322.015</b>	<b>35.576.322.015</b>
Công ty TNHH MGE UPS SYSTEMS Việt Nam	452.208.886	452.208.886	452.208.886	452.208.886
Turaz.,Ltd	3.698.578.113	3.698.578.113	3.883.416.000	3.883.416.000
BLITZ IT CONSULTANTS PTE LTD	-	-	145.307.500	145.307.500
ECI telecom LTD	162.671.980	162.671.980	256.000.070	256.000.070
EZY infotech PTE.LDT	1.708.500.456	1.708.500.456	1.709.250.456	1.709.250.456
ROYAL ASIA (GROUP) LIMITED	1.794.686.991	1.794.686.991	1.795.474.826	1.795.474.826
Starview International Pte Ltd	7.957.516.890	7.957.516.890	7.961.010.093	7.961.010.093
Specialised Products	-	-	2.020.392.754	2.020.392.754

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

cho năm tài chính

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Công ty TNHH MTV giải pháp phần mềm và tích hợp hệ thống Tinh Vân	1.833.896.400	1.833.896.400	4.279.091.600	4.279.091.600
Công ty CP đầu tư và xây lắp kỹ thuật hạ tầng	2.221.637.910	2.221.637.910	10.998.318.870	10.998.318.870
Công ty tin học MIMI	1.779.317.054	1.779.317.054	-	-
Công ty Cổ phần FINTECHVIET	720.000.000	720.000.000	-	-
Công ty cổ phần xây dựng thương mại và dịch vụ kỹ thuật Trường Anh	915.225.567	915.225.567	-	-
Công ty TNHH hệ thống tin học viễn thông NDS	6.758.638.370	6.758.638.370	-	-
Công ty TNHH tin học viễn thông Song Việt	542.257.650	542.257.650	-	-
Công ty TNHH Xây dựng và giải pháp mạng Bảo Ngọc	636.634.764	636.634.764	-	-
Ingram Micro Asia Ltd	5.474.986.204	5.474.986.204	-	-
MATERIAL NETWORKS ASIA	2.943.150.033	2.943.150.033	-	-
TELCOM NETWORKS ASIA	3.235.417.684	3.235.417.684	-	-
Các đối tượng khác	1.465.399.619	1.465.399.619	2.075.850.960	2.075.850.960
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>c. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>44.300.724.571</b>	<b>44.300.724.571</b>	<b>35.576.322.015</b>	<b>35.576.322.015</b>

**14. Người mua trả tiền trước**

**Văn phòng công ty**

Công an tỉnh Ninh Bình

Cục tin học nghiệp - Tổng cục Hậu cần kỹ thuật -BCA

Trường đại học Phòng cháy chữa cháy

Ngân hàng TMCP Quân Đội

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Công ty TNHH Công nghệ và dịch vụ PSIV

Học viện chính trị công an nhân dân

Tập đoàn Vingroup

Cục tài vụ - Quản trị

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

**Chi nhánh Công ty**

	Số cuối Năm	Số đầu năm
<b>Văn phòng công ty</b>	<b>19.974.504.373</b>	<b>57.560.105.500</b>
Công an tỉnh Ninh Bình		18.800.000.000
Cục tin học nghiệp - Tổng cục Hậu cần kỹ thuật -BCA	5.766.782.007	5.766.782.007
Trường đại học Phòng cháy chữa cháy		10.307.975.880
Ngân hàng TMCP Quân Đội		9.530.400.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		5.052.800.000
Công ty TNHH Công nghệ và dịch vụ PSIV	4.768.335.000	4.768.335.000
Học viện chính trị công an nhân dân		2.580.000.000
Tập đoàn Vingroup		753.812.613
Cục tài vụ - Quản trị	7.985.387.366	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.454.000.000	-
<b>Chi nhánh Công ty</b>	<b>50.000.000</b>	

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội  
Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

cho năm tài chính  
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

		<u>20.024.504.373</u>		<u>57.560.105.500</u>	
<b>Cộng</b>					
<b>15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước &lt;Xem chi tiết tại phụ lục số 02&gt;</b>					
<b>16. Chi phí phải trả</b>					
		<u>Số cuối Năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	
<i>a/ Ngắn hạn</i>	-	-	<i>356.601.292</i>	<i>356.601.292</i>	
Lãi vay phải trả NH TMCP Quân Đội	-	-	356.601.292	356.601.292	
<b>Cộng</b>		-	<u>356.601.292</u>	<u>356.601.292</u>	
<b>17. Phải trả ngắn hạn khác</b>					
		<u>Số cuối Năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Các khoản phải trả, phải nộp khác			365.322.134	311.976.155	
<i>CN Cty TNHH DV giao nhận hàng hóa Mặt trời toàn cầu</i>			-	<i>156.421.990</i>	
<i>CN Cty TNHH TM &amp; DV Song Bình-TT CPN Phía Bắc</i>			-	<i>26.291.070</i>	
<i>Công ty CP du lịch và hợp tác Quốc Tế Việt</i>			-	<i>52.114.000</i>	
<i>Tổng công ty bảo hiểm PVI</i>			<i>3.726.395</i>	<i>34.501.358</i>	
<i>Chi cục Hải quan Bắc Hà Nội - Hàng không</i>			<i>313.385</i>	<i>313.385</i>	
<i>Cục thuế thành phố Hà Nội</i>			<i>40.719.352</i>	<i>40.719.352</i>	
<i>Ông Hoàng Văn Trường</i>			<i>9.500</i>	<i>9.500</i>	
<i>Ông Nguyễn Đức Trường</i>			<i>1.605.500</i>	<i>1.605.500</i>	
<i>INFONET - HDQT &amp; BKS</i>			<i>315.600.000</i>	-	
<i>Phải trả phải nộp khác</i>			<i>3.348.002</i>	-	
<b>Cộng</b>			<u>365.322.134</u>	<u>311.976.155</u>	
<b>18. Vay ngắn hạn, dài hạn: Xem chi tiết tại Phụ lục 03</b>					
<b>19. Vốn góp chủ sở hữu</b>					
<b>19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu &lt;Chi tiết tại Phụ lục số 04&gt;</b>					
<b>19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:</b>					
		<u>Năm nay</u>		<u>Năm trước</u>	
- Vốn góp của chủ sở hữu					
Vốn góp đầu năm			80.000.000.000	80.000.000.000	
Vốn góp tăng trong Năm			-	-	
Vốn góp giảm trong Năm			-	-	
Vốn góp cuối Năm			80.000.000.000	80.000.000.000	
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia				-	
<b>19.3 Cổ phiếu</b>					
		<u>Năm nay</u>		<u>Năm trước</u>	
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:			8.000.000	8.000.000	

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	8.000.000	8.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	716.630	716.630
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	716.630	716.630
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	7.283.370	7.283.370
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.283.370	7.283.370
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

**19.4 Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Quỹ đầu tư phát triển	33.011.828.236	27.577.384.062
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.248.499.290	1.886.203.012
<b>Cộng</b>	<b><u>35.260.327.526</u></b>	<b><u>29.463.587.074</u></b>

Các quỹ của doanh nghiệp được trích căn cứ theo Điều lệ công ty và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp: để dự phòng rủi ro có thể xảy ra và đầu tư phát triển doanh nghiệp theo chiều sâu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH <đồng>**

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	391.004.637.762	446.137.417.351
<b>Cộng</b>	<b><u>391.004.637.762</u></b>	<b><u>446.137.417.351</u></b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

-

**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	391.004.637.762	446.137.417.351
<b>Cộng</b>	<b><u>391.004.637.762</u></b>	<b><u>446.137.417.351</u></b>

**4. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	356.541.311.706	405.712.828.589
<b>Cộng</b>	<b><u>356.541.311.706</u></b>	<b><u>405.712.828.589</u></b>

**5. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Văn phòng Công ty	1.970.121.777	599.464.695
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	207.949.916	426.149.670
Lãi chênh lệch tỷ giá	32.286.756	173.315.025
Chiết khấu thanh toán được hưởng	1.613.778.328	-
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	116.106.777	-
Chi nhánh công ty	5.198	-
Công ty TNHH dịch vụ phần mềm Infonet	38.816	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.970.165.791</u></b>	<b><u>599.464.695</u></b>

**6. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
--	----------------	------------------

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội  
Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

cho năm tài chính  
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Chi phí lãi vay	3.562.429.943	5.155.052.834
Lỗi do chênh lệch tỷ giá thực hiện trong kỳ	655.168.183	1.419.992.612
Lỗi do chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	123.544.314	418.743.979
Chi phí tài chính khác	205.470.349	-
<b>Cộng</b>	<b>4.546.612.789</b>	<b>6.993.789.425</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Xử lý công nợ	-	90.973.218
Tiền thưởng tiêu thụ hàng hoá của khách hàng	-	4.986.748.988
Thu nhập khác	46.514	-
<b>Cộng</b>	<b>46.514</b>	<b>5.077.722.206</b>
<b>8. Chi phí khác</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thuế nộp chậm, phạt, truy thu	3.977.231	165.955.540
Phạt vi phạm hợp đồng	310.457.384	426.402.760
Xử lý công nợ		60.005
<b>Cộng</b>	<b>314.434.615</b>	<b>592.418.305</b>
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế:	9.921.950.545	9.382.575.375
Các khoản điều chỉnh tăng	1.356.290.757	2.330.296.849
Các khoản điều chỉnh giảm:	-	1.029.623.169
<b>Tổng thu nhập chịu thuế:</b>	<b>11.278.241.302</b>	<b>10.683.249.055</b>
Thuế suất thuế TNDN:	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành.	2.260.482.043	2.136.649.811
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay.	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>2.260.482.043</b>	<b>2.136.649.811</b>
<b>10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.661.468.502	7.245.925.564
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông công ty	7.661.468.502	7.245.925.564
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.283.370	7.283.370
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.052	995

**VIII Những thông tin khác:****1. Công cụ tài chính:****1.1. Quản lý rủi ro:**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

### 1.2. Các loại công cụ tài chính:

#### *Tài sản tài chính:*

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	<b>Số cuối Năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.495.182.089	30.865.502.084
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	165.772.010.650	153.324.216.142
Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.114.815.500	18.701.004.155
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	2.000.000.000
<b>Công nợ tài chính</b>		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn	43.791.750.570	89.567.489.803
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	44.666.046.705	35.888.298.170
Công nợ tài chính khác	-	-

### 1.3. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

#### *Rủi ro thị trường*

Quản lý rủi ro tỷ giá: rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá do các nghĩa vụ nợ ngoại tệ (nếu có) đều được thanh toán bằng ngoại tệ.

#### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất là của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm với các ngân hàng uy tín và được ngân hàng in ấn với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho công ty.

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh vì các khoản phải thu khách hàng chủ yếu bằng tiền mặt.

#### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phát sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Công nợ tài chính được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu và ngày đáo hạn hợp đồng theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả:

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 đến 5 năm</b>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	43.791.750.570	-
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	44.666.046.705	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-

**2. Thông tin về các bên liên quan:**

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	
Cty TNHH Dịch vụ phần mềm Infonet	Công ty con	
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Chi nhánh	
<b>Nội dung giao dịch</b>	<b>Tên bên liên quan</b>	<b>Số tiền tại ngày 31/12/2017</b>
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Cty TNHH Dịch vụ phần mềm Infonet	1.000.000.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	355.021.000

<b>Thù lao của các thành viên chủ chốt</b>	<b>Năm này</b>	<b>Năm trước</b>
Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	348.000.000	348.000.000

**3. Báo cáo bộ phận**

**A. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động kinh doanh trong cùng một môi trường địa lý và trong cùng một phạm vi môi trường kinh tế nên không có sự khác biệt về điều kiện, chính trị, địa lý như đã nêu trong chuẩn mực.

**B. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty Cổ phần công nghệ Mạng và Truyền thông là một doanh nghiệp hoạt động kinh doanh chủ yếu theo mã ngành thông tin và truyền thông. Các hoạt động đầu tư kinh doanh khác không có.

**4. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh HN, báo cáo lưu chuyển tiền tệ HN là số liệu cùng kỳ năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - CPAHANOI.

**5. Thông tin về hoạt động liên tục**

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong các kỳ tiếp theo.

**6. Những thông tin khác**

**6.1 Một số chỉ tiêu tài chính**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn</b>			
<b>1.1. Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	85,35	89,47
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	14,65	10,53
<b>1.2. Bố trí cơ cấu vốn</b>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	46,51	58,52
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	53,49	41,48

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

<b>2. Khả năng thanh toán</b>				
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần		2,15	1,71
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần		1,89	1,62
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần		0,32	0,17
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>				
<b>3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>				
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%		2,54	2,10
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%		1,96	1,62
<b>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>				
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%		3,71	1,48
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%		2,87	2,19

**6.2 Thông tin khác**

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định của thuế về việc áp dụng các quy định và chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Người lập biểu



Trần Thị Minh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc



Lê Ngọc Tú

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

**Thuyết minh Báo cáo tài chính HN**

cho năm tài chính

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: đồng

**09. Phụ lục 01: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá tài sản cố định</b>					
Số dư đầu năm	-	313.349.419	3.064.924.479	1.499.843.786	4.878.117.684
- Mua trong kỳ	-	-	-	2.697.577.938	2.697.577.938
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	-	<b>313.349.419</b>	<b>3.064.924.479</b>	<b>4.197.421.724</b>	<b>7.575.695.622</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	-	313.349.419	2.661.628.488	1.231.734.786	4.206.712.693
- Khấu hao trong kỳ	-	-	239.786.718	182.026.509	421.813.227
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	-	<b>313.349.419</b>	<b>2.901.415.206</b>	<b>1.413.761.295</b>	<b>4.628.525.920</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ</b>					
- Tại ngày đầu năm	-	-	403.295.991	268.109.000	671.404.991
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	163.509.273	2.783.660.429	2.947.169.702

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**  
 Địa chỉ: Tòa nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội  
 Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

**Thuyết minh Báo cáo tài chính HN**  
 cho năm tài chính  
 từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

**16a,b. Phụ lục 02: Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: đồng

	Số đầu năm			Phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	Phải thu	Phải nộp		
Thuế giá trị gia tăng	106.930.643	-	39.000.514.415	35.624.474.248	2.601.697	3.271.711.221		
Thuế xuất nhập khẩu	27.632.873	-	15.146.426	15.146.426	27.632.873	-		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.058.762	-	2.376.593.431	1.639.886.039	7.029.010	694.648.630		
Thuế thu nhập cá nhân	-	198.413.779	491.959.552	444.791.551	-	245.581.780		
Các loại thuế khác	-	-	6.308.519	6.308.519	-	-		
<b>Cộng</b>	<b>176.622.278</b>	<b>198.413.779</b>	<b>41.890.522.343</b>	<b>37.730.606.783</b>	<b>37.263.580</b>	<b>4.211.941.631</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

**Thuyết minh Báo cáo tài chính HN**

cho năm tài chính

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Phụ lục 04: Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

**A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	80.000.000.000	(5.233.803.523)	21.569.439.736	1.485.673.390	32.885.390.832	130.706.700.435
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	7.245.925.564	7.245.925.564
- Tăng khác	-	-	6.007.944.326	400.529.622	1.040.764.529	7.449.238.477
- Phân phối trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	8.433.551.148	8.433.551.148
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	80.000.000.000	(5.233.803.523)	27.577.384.062	1.886.203.012	32.738.529.777	136.968.313.328
<b>3. Số dư đầu năm nay</b>	80.000.000.000	(5.233.803.523)	27.577.384.062	1.886.203.012	32.738.529.777	136.968.313.328
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	7.661.468.502	7.661.468.502
- Tăng khác	-	-	5.434.444.174	362.296.278	-	5.796.740.452
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	6.521.333.008	6.521.333.008
+ <i>Trả cổ tức</i>	-	-	-	-	-	-
+ <i>Trích Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	-	5.434.444.174	5.434.444.174
+ <i>Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	-	-	-	724.592.556	724.592.556
+ <i>Trích quỹ khác thuộc vốn CSH</i>	-	-	-	-	362.296.278	362.296.278
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	896.058.829	896.058.829
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	80.000.000.000	(5.233.803.523)	33.011.828.236	2.248.499.290	32.982.606.442	143.009.130.445

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)



**Thuyết minh Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**

Địa chỉ: Toà nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: 0243. 7730793 Fax: 0243. 7730809

**Phụ lục số 03: Tình hình tăng, giảm và khả năng trả nợ vay**

	Số cuối năm		Tăng trong năm		Giảm trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>43.791.750.570</b>	<b>43.791.750.570</b>	<b>122.686.288.044</b>	<b>122.686.288.044</b>	<b>160.703.268.772</b>	<b>81.808.731.298</b>	<b>81.808.731.298</b>	<b>81.808.731.298</b>
Ngân hàng TMCP Quân Đội _CN Hoàng Quốc Việt (1)	30.499.439.310	30.499.439.310	78.579.415.928	78.579.415.928	91.453.172.656	43.373.196.038	43.373.196.038	43.373.196.038
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam_CN Đống Đa (2)	8.843.871.260	8.843.871.260	22.843.194.469	22.843.194.469	32.938.638.029	18.939.314.820	18.939.314.820	18.939.314.820
Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam_CN Hoàn Kiếm (3)	4.448.440.000	4.448.440.000	21.263.677.647	21.263.677.647	36.311.458.087	19.496.220.440	19.496.220.440	19.496.220.440
<b>Vay dài hạn</b>	-	-	<b>193.269.139</b>	<b>193.269.139</b>	<b>7.952.027.644</b>	<b>7.758.758.505</b>	<b>7.758.758.505</b>	<b>7.758.758.505</b>
Ngân hàng TMCP Quân Đội _CN Hoàng Quốc Việt (1)	-	-	193.269.139	193.269.139	7.952.027.644	7.758.758.505	7.758.758.505	7.758.758.505
<b>Cộng:</b>	<b>43.791.750.570</b>	<b>43.791.750.570</b>	<b>122.879.557.183</b>	<b>122.879.557.183</b>	<b>168.655.296.416</b>	<b>89.567.489.803</b>	<b>89.567.489.803</b>	<b>89.567.489.803</b>

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 82020.16.056.631182.TD ngày 01/11/2016 với hạn mức tín dụng với số tiền tối đa là: 150.000.000.000 đồng (đã bao gồm hạn mức tín dụng của HĐTD số 260.15.056.631182.TD ngày 27/07/2015 chuyển sang) với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thiết bị, phần mềm của khách hàng, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30/11/2017. Các biện pháp đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp, cầm cố đã ký kết giữa hai bên là Giấy CN QSD đất, quyền SH nhà và các tài sản khác tại 33 Vũ Ngọc Phan - Hà Nội. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

- Số dư tại ngày 31/12/2017: 30.499.493.310 VND

(2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa theo hợp đồng tín dụng số 29-2017/HĐCVTL/NHCT126 ngày 27/04/2017 với số tiền là: 1.524.417.510 đồng với mục đích thanh toán tiền mua thiết bị mạng theo HĐKT số 17HANSĐ0327 ngày 29/3/2017. Các biện pháp đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa hai bên. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

- Số dư tại ngày 31/12/2017: 8.843.871.260 VND

(3) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/2440083/HĐTD ngày 04/10/2016 với hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền là : 150.000.000,000 đồng (đã bao gồm hạn mức tín dụng của HĐTD số 01/2015/2440083 chuyển sang) với mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, L/C, thời hạn cấp hạn mức từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 30/09/2017. Các biện pháp đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp, cầm cố đã ký kết giữa hai bên. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

- Số dư tại ngày 31/12/2017: 4.448.440.000 VND

(4) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo hợp đồng tín dụng số 33548.16.056.631182.TD ngày 08/06/2016 với số tiền là: 7.300.000.000 đồng với mục đích: thanh toán chi phí đầu tư xây dựng trụ sở Công ty tại địa chỉ thửa đất số A5+A6 tờ bản đồ 6E-II-29 số 33 Phố Vũ Ngọc Phan phường Láng Hạ, quận Đống Đa Hà Nội, thời hạn vay 60 tháng. Các biện pháp đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp, cầm cố đã ký kết giữa hai bên. Lãi suất được xác định theo văn bản nhả nợ của khách hàng.

- Không còn số dư tại ngày 31/12/2017